TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **127**/2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 114/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/7/1983; Căn cước công dân số 038183021XXX, cấp ngày 10/8/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, thành phố Huế.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 10/10/1980; Căn cước công dân số 046080004XXX, cấp ngày 17/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung và việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 10/11/2004 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 07/6/2006. Các con chung của chị H và anh Q đều đã thành niên nên chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q trình bày tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q trình bày vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q thỏa thuận chị Nguyễn Thị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có kí hiệu BLTU/25E, số 0000163 ngày 28/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú

Nơi nhận:
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- VKSND khu vực 4- Huế;
- THADS TP Huế;
- Phòng THADS khu vực 4- Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã C, thành phố Huế, đăng ký kết hôn ngày 29/07/2003;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.